

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-PT
Ngày 22 - 8 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Tám

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Y, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bà A, xã Lộc N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bà A, xã Lộc N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1948 (có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bà A, xã Lộc N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Ngan D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh D (nay là Huỳnh Chí N) -

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Chí N: Ông Nguyễn Văn T –
Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Thái Thị Ý.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thái Thị Ý trình bày: Nguồn gốc phần đất mà bà đang sử dụng (bao gồm phần đất tranh chấp với ông Trần Văn T hiện nay) là của cha mẹ bà là ông Thái Văn G và bà Trần Thị N khai phá hơn 60 năm về trước. Cha mẹ bà trực tiếp canh tác, sử dụng phần đất này cho đến lúc chết thì cho lại bà. Ông G chết năm 1960, bà N chết năm 2006. Phần đất có diện tích hơn 04 công tầm cây, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà được cấp thì nằm tại thửa số 7 và thửa số 8, thuộc tờ bản đồ số 07 có diện tích 5.600m². Phần đất có một bên giáp kênh Bà A, một bên giáp đất ông Tám T, một bên giáp đất ông Trương Văn Q và một bên giáp đất ông Trần Văn T. Giữa phần đất của bà với phần đất của ông Trần Văn T từ trước đến nay có một đường mương làm ranh chạy dài từ kênh Bà A tới sau hậu đất, đường mương này dài khoảng 200m, trong đó đoạn mương từ đầu kênh Bà A trở ra sau hậu đất khoảng 30m có chiều ngang khoảng 03m, đoạn mương còn lại trở ra sau hậu có chiều ngang khoảng 1,5m. Đường mương này đã có trên 60 năm nay. Đối với đoạn mương từ đầu kênh Bà A trở ra sau hậu khoảng 30m có chiều ngang khoảng 03m thì đoạn mương này do cha bà là ông Thái Văn G đào (bà biết việc này là do mẹ bà nói). Còn đoạn mương có chiều ngang 1,5m nối tiếp đoạn mương có chiều ngang 03m trở ra sau hậu đất là do ông Trần Văn C là cha ruột của ông Trần Văn T đào lúc còn sống. Đường mương này từ trước đến nay được gia đình bà và gia đình ông T sử dụng chung để thoát nước do ông T là cậu bà. Đến khoảng tháng 04 năm 2017, Nhà nước làm lộ bê tông, ông T giành hết đường mương, trong khi từ trước đến nay thì mỗi bên là ½ đường mương. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T giao trả cho bà phần đất lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích là 69,7m² (*trên thực tế là 01 đường mương thoát nước nằm ở vị trí từ đầu kênh Bà A trở ra sau hậu đất khoảng 50m*). Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Nguồn gốc phần đất gia đình ông đang sử dụng (bao gồm phần đất tranh chấp với bà Thái Thị Ý hiện nay) là của ông cụ Kiềm C cho lại cha ông là ông Trần Văn C trên 70 năm trước. Phần đất ông cụ Kiềm C cho gần 05 công tầm cây, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước cấp cho gia đình ông là 6.300m² nằm tại thửa số 5 và thửa số 6 tờ bản đồ số 7. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này hiện tại do chị ruột ông là bà Trần Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất ông cụ Kiềm C cho cha ông có một bên giáp đất ông Tư T (*trước đây là đất của ông Bảy L*), một bên giáp đất của bà Thái Thị Ý (*đất của bà Thái Thị Ý đang sử dụng hiện nay trước đây cũng là đất của cha ông là ông Trần Văn C, sau đó cha ông cho lại cha mẹ của bà Thái Thị Ý trên 60 năm trước*), một bên giáp kênh Bà A và một bên

giáp với phần đất còn lại của gia đình ông (sau hậu). Giữa phần đất của gia đình ông với phần đất của bà Y có 01 đoạn mương dài khoảng 25m rộng khoảng 2,5m và hàng trâm bầu làm ranh (*đoạn mương chạy dài từ đầu kênh Bà A trở về hậu đất khoảng 25m, nối tiếp đoạn mương là hàng trâm bầu được trồng chạy dài ra sau hậu giữa đất ông với đất của bà Y*). Đối với đoạn mương dài khoảng 25m từ đầu kênh Bà A trở về hậu thì đoạn mương này do ông cụ Kiểm C đào trước khi cho đất cha ông và hàng năm trong quá trình sử dụng thì gia đình ông nạo vét đường mương này. Đường mương này thì mương là của ông, còn bờ là của bà Y. Quá trình sử dụng đường mương này thì gia đình ông có làm trại xuồng, bắt cầu qua đoạn mương này để người dân đi lại, mọi người ở địa phương ai cũng biết. Hiện nay bà Thái Thị Y yêu cầu ông giao trả phần đất lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích là 69,7m² (*trên thực tế là 01 đường mương thoát nước nằm ở vị trí từ đầu kênh Bà A trở ra sau hậu giữa đất tôi và đất bà Y khoảng 50m*) thì ông không đồng ý, vì đất này là của gia đình ông sử dụng ổn định trên 70 năm nay.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Trần Văn T có ý kiến ông không đồng ý trả lại diện tích đất theo yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Y, nhưng nếu bà Y yêu cầu được sử dụng chung đường nước (là phần đất tranh chấp) với ông thì ông đồng ý. Bởi vì bà Y là cháu của ông và hiện nay bà Y vẫn sử dụng chung đường mương nước này với ông. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày: Bà là chị ruột của ông Trần Văn T, là dì của bà Thái Thị Y (bà với mẹ ruột của bà Thái Thị Y là chị em cô cậu ruột), nguồn gốc phần đất tranh chấp này là do cha mẹ ruột của tôi là ông Trần Văn C và bà Từ Thị H chết để lại. Từ trước tới nay phần đất tranh chấp này do gia đình bà trực tiếp quản lý sử dụng. Trước đây gia đình bà Thái Thị Y có đường thoát nước riêng, đường thoát nước này giáp ranh với phần đất của ông Quách Văn H. Tuy nhiên, sau đó Nhà nước làm lộ nên đường thoát nước nhà bà Y bị sụp lún không thoát nước được nên bà Y khai đường thoát nước nhờ qua phần đất của gia đình bà (cách đây khoảng 02-03 năm). Do là chỗ bà con với nhau nên gia đình bà cũng không có nói gì mà cho bà Y sử dụng nhờ đường nước này. Qua đo đạc phần đất tranh chấp có diện tích 69,7m² do bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vì bà ở chung với cha mẹ từ nhỏ tới lớn nên khi đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất cha mẹ bà cho bà đứng tên, trước khi kê khai và sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T vẫn ở chung với bà nhưng chưa có ra riêng lý do là bà không có lập gia đình. Sau đó ông T ra riêng thì cha mẹ bà có cho một phần đất cất nhà bao gồm phần đất hiện nay đang tranh chấp. Mặc dù, bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế em bà là Trần Văn T sử dụng. Nay bà Thái Thị Y yêu cầu là ông Trần Văn T trả lại cho bà Y phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 69,7m² bà không đồng ý, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên thì tôi không có thể chấp ở đâu. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà V là vợ của ông Trần Văn T. Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông

Trần Văn T với bà Thái Thị Y thì bà V thống nhất ý kiến với chồng bà là ông Trần Văn T và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H người đại diện theo pháp luật ông Phan Thanh D trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Thái Thị Y và ông Trần Văn T qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 69,7m², tọa lạc tại ấp Bà A, xã Lộc N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xã Lộc N thành lập năm 1993 thì phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 06, tờ bản đồ số 07, diện tích 51,4m² do bà Trần Thị C (là chị ruột của ông Trần Văn T) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trong thửa đất không có số thửa, tờ bản đồ số 07, diện tích 18,3m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C (chị ruột của ông T) là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Phần đất diện tích 18,3m² nằm trong thửa đất không có số thửa, tờ bản đồ số 07 nêu trên chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào và cũng không thuộc phần đất do Nhà nước quản lý. Phần đất tranh chấp tổng diện tích 69,7m² giữa bà Thái Thị Y với ông Trần Văn T hiện tại không nằm trong quy hoạch chợ hoặc lộ giới, việc Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc về ai thì Ủy ban nhân dân huyện H không có ý kiến. Ủy ban nhân dân huyện H không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ những nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Y yêu cầu ông Trần Văn T giao trả bà phần đất lấn chiếm có tổng diện tích 69,7m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn bà Thái Thị Y kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Trần Văn T trả lại phần đất có diện tích 69,7m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị Y, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Thái Thị Y nộp trong hạn luật định, bà Y thuộc diện gia đình có công với cách mạng, nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét thấy nguyên đơn bà Thái Thị Y kháng cáo buộc ông Trần Văn T trả lại phần đất có diện tích 69,7m². Thấy rằng, bà Y xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp bà được cha mẹ cho và nằm trong tổng phần đất bà Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 7 và thửa số 8, thuộc tờ bản đồ số 07 có diện tích 5.600m².

[4] Tại mảnh trích đo địa chính số 40-2018 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định: Theo hồ sơ địa chính xã Lộc N thành lập năm 1993 thì phần đất tranh chấp có tổng diện tích 69,7m² nằm trong thửa đất số 06, tờ bản đồ số 07, diện tích 51,4m² do bà Trần Thị C (là chị ruột của ông Trần Văn T) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trong thửa đất không có số thửa, tờ bản đồ số 07, diện tích 18,3m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Tại công văn phúc đáp số 1968 ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H cho Tòa án thì Ủy ban xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị C (chị ruột của ông T) tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 07 theo hồ sơ địa chính xã Lộc N thành lập năm 1993 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Đối với phần đất tranh chấp diện tích 18,3m² nằm trong thửa đất không có số thửa, tờ bản đồ số 07 thì diện tích đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào và không thuộc phần đất do Nhà nước quản lý.

[5] Bà Y có yêu cầu Tòa án xác minh người làm chứng, thấy rằng: Bà Trần Thị B là dì ruột bà Y (bút lục 248), bà Từ Thị E (là chị dâu bà Y, bút lục 247) và ông Lương Văn C (là em rể bà Y, bút lục 236), ông Nguyễn Văn Đ (là em bạn dì của bà Y, bút lục 248) cùng xác định xác định biết toàn bộ con mương là của bà Y trong khi bà Y xác định bà chỉ có ½ con mương.

[6] Về phía ông Trần Văn T xác định phần đất mà gia đình ông đang sử dụng hiện nay (bao gồm phần đất tranh chấp với bà Y) có nguồn gốc là của ông cụ Kiềm C cho lại cha mẹ của ông là ông Trần Văn C và bà Từ Thị H trên 70 năm về trước, phần đất ông cụ Kiềm C cho cha ông gần 05 công tầm cây, hiện tại phần đất này gia đình ông đã được Nhà nước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 5 và thửa số 6 tờ bản đồ số 7, diện tích là 6.300m² do chị của ông T là bà Trần Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai này của ông Trần Văn T là có căn cứ bởi lẽ qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C (chị ruột ông T) thì trong hồ sơ có thể hiện nguồn gốc thửa đất số 5 và thửa số 6 cấp cho bà C là được thừa kế mà có.

[7] Qua xác minh một số hộ dân sinh sống lâu năm tại địa phương và ở gần với phần đất tranh chấp như bà Nguyễn Thị Q, 60 tuổi (bút lục 90), ông Trần Văn T, 62 tuổi (bút lục 91-92), ông Hồ Văn B, 69 tuổi (bút lục 140-141), ông Võ Hoàng T, 66 tuổi (bút lục 142-143), ông Nguyễn Văn A, 68 tuổi (bút lục 144-145) thì những người này đều xác định phần đất tranh chấp giữa bà Y với ông T (trên thực tế là 01 đường mương thoát nước) thì các ông, bà đã thấy gia đình ông T sử dụng cách nay khoảng 50 – 60 năm. Trước đây đường mương này cha của ông T là ông Trần Văn C sử dụng, sau đó ông C chết thì ông T tiếp tục sử dụng cho đến nay. Ngoài ra, khi Nhà nước chưa làm lộ bê tông như hiện nay thì các ông, bà thấy gia đình ông T có cất trại xuống trên đoạn mương tranh chấp này và nhiều lần bắt cầu ngang đoạn mương (đoạn cất ngang con lộ bê tông hiện nay) cho người dân đi lại. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2018 (bút lục 149-150) bà Thái Thị Y cũng xác định đoạn mương cất ngang con lộ bên tông hiện nay trước đây khi Nhà nước chưa làm lộ thì ông Trần Văn T nhiều lần bắt cầu ngang đoạn mương này cho người dân đi lại.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y cũng thừa nhận trước năm 2017 thì gia đình bà không sử dụng con mương tranh chấp mà bên gia đình ông T sử dụng, nạo vét. Đến năm 2017, khi Nhà nước làm lộ mới thì bà sử dụng chung con mương với ông Quách Văn H (mỗi người sử dụng 1/2) bị sụp lún và Nhà nước làm lộ mới bị lấp lại, do đó bà không sử dụng con mương này nữa nên bà sử dụng con mương chung với ông T.

[9] Từ những căn cứ trên, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp giữa bà Y với ông T hiện nay có nguồn gốc là của cha mẹ ông T và đã được gia đình ông T sử dụng ổn định từ nhiều năm, phía gia đình bà Y không ngăn cản. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị Y; có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Đối với ông nước của bà Y đặt tại con mương tranh chấp, do bà Y và ông T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[11] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thái Thị Y thuộc gia đình có công với cách mạng, nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 608 của Bộ

luật Dân sự 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị Y, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Y yêu cầu ông Trần Văn T giao trả bà phần đất lấn chiếm có tổng diện tích 69,7m².

Phần đất tranh chấp gồm có 02 thửa cụ thể như sau:

- *Thửa đất tranh chấp thứ nhất:*

Hướng Đông giáp thửa đất không tranh chấp số 4 của ông Trần Văn T có cạnh dài 61,2m;

Hướng Tây giáp thửa đất không tranh chấp số 1 của bà Thái Thị Y có cạnh dài 61,1m;

Hướng Nam giáp phần đất không tranh chấp của ông Trần Văn T có cạnh dài 01m;

Hướng Bắc giáp lộ bê tông có cạnh dài 01m.

Tổng diện tích thửa đất tranh chấp thứ nhất là 61,2m².

- *Thửa đất tranh chấp thứ hai:*

Hướng Đông giáp thửa đất không tranh chấp số 3 của ông Trần Văn T có cạnh dài 8,5m;

Hướng Tây giáp thửa đất không tranh chấp số 2 của bà Thái Thị Y có cạnh dài 8,4m;

Hướng Nam giáp lộ bê tông có cạnh dài 01m;

Hướng Bắc giáp kênh Bà A có cạnh dài 01m.

Tổng diện tích thửa đất tranh chấp thứ hai là 8,5m².

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm bà Thái Thị Y được miễn toàn bộ án phí. Bà Thái Thị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005635 ngày 26/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại đủ.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 1.300.000 đồng bà Thái Thị Y phải chịu toàn bộ. Bà Thái Thị Y đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng theo phiếu thu số T034 ngày 05/4/2018 và phiếu thu số T085 ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H nên bà Y được hoàn lại 700.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Cao Thị Túy Giang